TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 01 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 607/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: K1, thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Võ Hồng L, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị L tự nguyện chung sống với nhau năm1997, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xãy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau. Vợ chồng ly thân hơn 01 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phạm Võ Cẩm T1, sinh ngày 07/11/1998 và Phạm Võ Chấn H, sinh ngày 17/12/2007. Khi ly hôn, cháu T1 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Còn cháu H có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/01/2025, chị Võ Hồng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Quốc T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Võ Hồng L là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T, chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1997, anh T với chị L chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị L không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử, cháu T1 đã trưởng thành, còn cháu H đã hơn 17 tuổi, hiện đang sống chung với chị L. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu H thể hiện cháu muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H, nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T, chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Quốc T với chị Võ Hồng L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Võ Chấn H, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Võ Hồng L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Quốc T không nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Anh Phạm Quốc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002415 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Phạm Quốc T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đãký)

Trương Minh Thịnh